

GIÁO LÝ NGHIỆP CỦA PHẬT GIÁO VỚI VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ ĐIỆP^(*)

1. Khái niệm về Nghiệp của Phật giáo

Quan điểm về Nghiệp được lí giải, phân tích qua từng giai đoạn phát triển Phật giáo, có tính kế thừa và phát triển riêng của từng hệ phái. Nhưng cho dù lí giải thế nào đi nữa, điểm lí giải chung nhất của các hệ phái đề cập đến Nghiệp là sự giải thích mối quan hệ giữa Nhân và Quả, là đề cao tinh thần trách nhiệm và sự nỗ lực cá nhân và bình đẳng trong mối quan hệ Nhân và Quả. Đó là nhân tố để xây dựng đời sống đạo đức và trật tự xã hội. Vì người có ý thức về Nghiệp lực là người có tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân và tập thể, là yếu tố cơ bản để ngăn chặn những hành vi phạm pháp. Như vậy, Nghiệp trong Phật giáo có yếu tố tích cực trong việc xây dựng một nếp sống có đạo đức, giúp con người có cuộc sống bình an, xây dựng một gia đình hạnh phúc và một xã hội thịnh vượng, có trật tự, kỉ cương.

Vậy Nghiệp là gì ?

Chữ Nghiệp dịch từ chữ Karma (Sanskrit) hay Kamma (Pali).

Kamma có nghĩa là: hành động, hành vi hay sự tạo tác. Tuy nhiên hành động, hành vi hay sự tạo tác này có hai trường hợp là hành động có chủ ý và hành động

không có chủ ý. Theo Phật giáo, chỉ có những hành động tạo tác có chủ ý mới thành Nghiệp còn hành động vô ý thì không có Nghiệp.

Như vậy, Nghiệp không phải là những hành động của thân, khẩu, ý đơn thuần mà cái quyết định tạo Nghiệp là có chủ ý. Trong Kinh *Annguttana - NiKaya* Đức Phật dạy: “Này các tỳ kheu, Như Lai xác nhận rằng Tư-tác chính là Nghiệp”. Tư-tác này chính là Tư-tâm-sở.

Từ đó rút ra định nghĩa: Nghiệp là những hoạt động có chủ ý của thân, khẩu, ý hay Nghiệp là những hành động của thân, khẩu, ý được dẫn dắt bởi một Tư - tưởng hay Tư - tâm-sở.

Ý nghĩ, lời nói, việc làm thường theo ý muốn mà phát khởi. Phật giáo gọi ý muốn hay ý chí ấy là Tư-tác. Tất cả những hành động có Tư-tác, biểu hiện nơi thân, khẩu hay ý, thiện hay bất thiện đều tạo Nghiệp. Những hành động không cố ý, không có chủ tâm, mặc dầu đã biểu hiện bằng lời nói hay việc làm, đều không tạo Nghiệp. Tư-tác là yếu tố tối quan trọng để tạo Nghiệp.

^{*}. Tỳ kheu ni Thích Từ Ân, chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vậy Tư-tác (Cetenà) là gì?

Tư là: ý chí, ý muốn, ước vọng, chủ ý, cố ý; nó quy tụ và chủ đạo các Tâm-sở đi kèm để tạo ra tính chất sai khác, đa dạng của các loại Nghiệp. Tư có thể là thiện, ác, vô-lậu và bất-động.

Ở đây, cần phân biệt Tư-tác không phải là tác-ý. Vì tác-ý vẫn là công năng làm việc của thức, nó còn muội lược (chưa thành ý nghĩ hay hành động cụ thể) và không mang trách nhiệm vào luân hồi sinh tử. Còn Tư-tác lại mang tính chất quyết định tạo Nghiệp thiện, ác, dẫn dắt tham gia vào tất cả các hành Nghiệp của con người.

Chúng ta phân tích bảy biến hành tâm sở để phân biệt tác-ý và Tư-tác.

Bảy biến hành Tâm sở: Xúc, tác-ý, thụ, tưởng, tư, mạng-căn, nhất-tâm.

- Xúc: Là sự giao tiếp, xúc chạm, tiếp giáp giữa căn và trần.

- Tác-ý: Là khởi ý, hướng tâm đến đối tượng, đưa tâm đến đối tượng.

- Thụ: Là cảm thụ cảnh, tiếp nhận cảnh. Thường thì có xúc mới có thụ, không xúc thì không thụ. Thụ chỉ là cảm thụ đơn thuần, tự nhiên, khách quan, là kết quả dị thực (quả chín nhậm vận và khác thời) của Nghiệp trong quá khứ.

- Tưởng: Là nhận biết đối tượng một cách khách quan bằng giác quan, là cái biết của giác quan hay tri giác. Tưởng chỉ đóng vai trò tiếp nhận, suy đạc, xác định đối tượng chứ không phán đoán và quyết định trạng thái. Tưởng có thể đúng, có thể sai, nhưng chưa tạo thành Nghiệp thiện, ác. Nó chỉ đóng vai trò cung cấp dữ liệu, nên tưởng cũng thuộc

về vô nhân dị thực, chỉ là kết quả thụ động.

- Tư là tâm sở tạo tác, quyết định các hành động của tâm. Nó đóng vai trò quan trọng nhất trong 51 tâm-sở, có Tư là có Nghiệp. Nó chi phối các Nghiệp thiện, ác và bất-động. Riêng các tâm Siêu thế, Tư không còn tác dụng, nó được thay bằng tuệ, vì tâm tại thế có khuynh hướng tích lũy Nghiệp, còn tâm Siêu thế có khuynh hướng loại trừ, diệt tận Nghiệp. Tư đóng vai trò tạo tác các Nghiệp thiện, bất - thiện, bất - động. Nếu Tư bị Vô - minh, ái - dục điều động thì nó tạo các Nghiệp trong luân hồi sinh tử. Nếu Tư được trí tuệ soi sáng thì nó tạo các Nghiệp thiện, bất-động hoặc Siêu thế. Riêng đối với chúng sinh thì, Tư quyết định cảnh giới trong tương lai ác đạo hay thiện đạo hoặc dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

- Nhất - tâm: Sự liên tục trên một đối tượng. Tiến trình xúc, thụ, tưởng, tư cần phải đồng nhất liên tục trên một đối tượng thì mới hoàn tất một lộ trình tâm nên cần phải có nhất-tâm.

- Mạng - căn: Đồng thời mỗi tâm-sở phải có thời gian tồn tại riêng nên nó cần có mạng-căn. Nếu không có tâm-sở này thì 5 biến-hành-tâm-sở kia sẽ tiến hành không đồng nhất và không tồn tại trong thời gian cần thiết để xử lý đối tượng.

Như vậy, trong toàn bộ bảy biến hành tâm sở thì, tâm sở Tư là “nhân” đóng vai trò quyết định tạo Nghiệp thiện, ác còn xúc, thụ, tưởng chỉ là quả vô nhân dị thực. Tác-ý dù rất quan trọng nhưng vẫn chưa tạo Nghiệp: Ví như một con tàu đi đâu tùy thuộc vào bánh lái (tác-ý) nhưng

bánh lái bể qua bể lại mà máy (Tư) không nổ thì không tác dụng gì.

Như vậy, tạo một nghiệp thiện hay ác, lành hay dữ đều do nơi dụng tâm, dụng tâm thiện đưa tới quả báo thiện, dụng tâm ác đưa tới quả báo đau khổ. Cũng như người trồng dưa thì sẽ có quả dưa. Không thể trồng dưa mà lại được quả đậu. Tuy nhiên muốn có quả dưa cũng phải có đủ điều kiện và thời gian nhất định, cây dưa mới cho quả. Tạo Nghiệp-ác hay Nghiệp-thiện cũng như vậy. Nghĩa là đủ nhân-duyên và thời gian thích hợp thì sẽ có quả báo thiện hay ác tương ứng nếu không biết cách chuyển hóa.

2. Giáo lí Nghiệp chính là nền tảng đạo đức Phật giáo

Từ khái niệm về Nghiệp chúng ta thấy đạo đức Phật giáo dựa trên quy luật Nghiệp nhân quả báo, là quy luật có tính khách quan nhất, công bằng nhất. Quy luật nghiệp nhân quả báo đề cao ý thức trách nhiệm của mỗi người đối với cá nhân, cũng như đối với cộng đồng, xã hội.

Nghiệp là hành động. Nghiệp báo là kết quả hay là quả báo của hành động. Quả báo đó tương ứng với hành động tức Nghiệp tạo ra nó. Người Anh gọi đó là nguyên lí của sự phản ứng tương đương. Đó là quy luật mà lương tri mọi người đều chấp nhận. Và nó giúp con người lí giải tất cả sự vật và hiện tượng diễn biến trong tự nhiên và xã hội. Đạo Phật bác bỏ Thần-ý-luận, cũng như Ngẫu-nhiên-luận. Nếu mọi diễn biến trong xã hội đều do ý chí của Thần hay của Chúa sắp xếp sẵn rồi, thì mọi cố gắng sống đạo đức của con người đều là vô ích. Đối với Ngẫu-nhiên-luận cũng vậy, nếu mọi diễn

biến trong xã hội đều xảy ra một cách ngẫu nhiên, không có quy luật gì cả, thì sống đạo đức để làm gì, có ý nghĩa gì? Còn Định-mệnh-luận, nếu mọi diễn biến xảy đến cho xã hội và cá nhân đều là do quá khứ quyết định và an bài, thì mọi cố gắng của con người đều vô ích, con người chỉ còn biết an phận và chịu đựng.

Theo Phật giáo: “Con người là chủ nhân của Nghiệp, đồng thời cũng là thừa tự của Nghiệp”⁽¹⁾ nghĩa là, chính con người hành động bằng ý chí tự do của mình, và người phải chịu hậu quả của hành động của mình. Nhưng lại nói, người tuy là thừa tự của Nghiệp nhưng quyết không phải là nô lệ của Nghiệp. Con người, với một nỗ lực đạo đức tối đa trong hiện tại hoàn toàn có thể chuyển Nghiệp quá khứ, hạn chế Nghiệp quá khứ, thậm chí có thể chuyển hóa nó thành Nghiệp thiện, Nghiệp lành. Cũng như một người, do Nghiệp nhân tạo ra trong quá khứ, phải sinh ra với một thân thể gầy yếu, thế nhưng, người đó với một cố gắng liên tục và tối đa để rèn luyện thân thể, hoàn toàn có thể trở nên khỏe mạnh, thậm chí trở thành một lực sĩ. Đạo Phật bao giờ cũng khẳng định rằng, khả năng của con người là vô tận, nếu con người có ý chí phấn đấu, bản thân mình cũng như hoàn cảnh, con người đều có thể cải tạo được theo hướng tiến bộ, nếu người ấy thật sự muốn và cố gắng.

Hiểu biết sâu sắc giáo lí Nghiệp của đạo Phật sẽ tạo cho mỗi người một ý thức trách nhiệm rất cao đối với cá nhân

1. Thích Minh Châu (dịch giả). *Kinh Trung Bộ, Đại Tạng kinh Việt Nam*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tp. HCM, năm 1995, tr. 155.

mình và xã hội. Bởi vì, căn cứ theo quy luật Nghiệp nhân quả báo của đạo Phật, tất cả mọi hành động, lời nói cho đến mỗi ý nghĩ của chúng ta, đều có tác động đến bản thân chúng ta trong hiện tại và tương lai, đồng thời cũng tác động đến xã hội, tạo ra cái mà đạo Phật gọi là Biệt Nghiệp đối với mỗi cá nhân và tạo ra Cộng Nghiệp đối với cộng đồng và xã hội. Nói cộng đồng ở đây là các cộng đồng nhỏ và lớn, trong đó mỗi con người chúng ta sống và hoạt động như gia đình, tập thể, cơ quan, ngành nghề và quốc gia xã hội. Sống có ý thức, với đầy đủ trách nhiệm của mình tức là nhận chân thật rõ, không chút mơ màng, là mỗi việc làm, mỗi lời nói, mỗi ý nghĩ của chúng ta đều có tác động ít hay nhiều đến bản thân mình đã đành mà còn đến người khác, đến bè bạn thân thuộc, đến môi trường sống, v.v...

Nhận thức được giáo lý Nghiệp, con người sẽ có nhiều đức tính tốt. Bởi Nghiệp nhân quả báo có tính chân thật, tính bình đẳng và tính khoa học. Vạn vật hiện hữu trên thế gian này đều chịu sự chi phối của luật Nghiệp nhân quả báo. Nghiệp nhân quả báo không chỉ đơn thuần như một số người dân hiểu “Nhân nào quả ấy”. Nghiệp nhân quả báo vừa đa diện vừa biến chuyển, không phải cứng nhắc một chiều.

Ví như, chúng ta có hạt giống lúa là từ nhân, chưa hẳn sẽ có bông lúa và quả. Vì giống lúa là chân chính nhân, cần phải gieo xuống ruộng, có đất, nước, ánh nắng và công sức chăm sóc nhỏ cỏ, bón phân, ngăn ngừa sâu bọ, những thứ đó Phật giáo gọi là trợ duyên. Chính nhân và trợ

duyên đầy đủ, thì quả mới nảy sinh và viên mãn. Nếu chỉ có chính nhân mà thiếu trợ duyên thì quả sẽ èo uột, hoặc chẳng thành. Dù có trợ duyên nhưng nhân không đầy đủ thì kết quả cũng sẽ suy giảm. Do đó, nhân duyên phải đầy đủ thì quả mới tròn đầy. Bởi vì khi biết rõ mọi sự xảy ra đều từ nhân mà thành quả, không một quả nào ngẫu nhiên mà có hay do một thế lực thiêng liêng tạo ra, tất cả đều do con người gieo nhân rồi con người gặt quả. Biết rõ điều này, mỗi khi một việc tốt xấu xảy đến, chúng ta không vội mừng cũng như không hoảng sợ mà bình tĩnh suy tìm nguyên nhân chính nơi mình, là tránh được bệnh hấp tấp, vội vàng. Biết mình là chủ tạo nhân tốt xấu, khi gặp quả xấu đến, chúng ta can đảm nhận trách nhiệm, không oán hờn, than trách. Mình gây nhân thì mình chịu quả là lẽ công bằng, nên luôn luôn cảnh giác, không dám tạo nhân xấu, mà ngược lại, hằng tạo nhân tốt là tỉnh táo sáng suốt, như nói: “Bồ tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả”. Như vậy giáo lý Nghiệp phần lớn là ứng dụng vào đạo đức con người. Chính vì vậy mà Albert Sxhweizer, nhà Ấn Độ học thâm thúy và nổi danh người Đức đã khẳng định: “Đức Phật đã sáng tạo ra một nền đạo đức nội tâm hoàn thiện nhất” và “trong lĩnh vực này, Đức Phật đã nói lên những chân lý đạo đức có giá trị bất hủ, đã phát triển nền đạo đức không phải của đất nước Ấn Độ mà là của cả nhân loại. Đức Phật là một trong những nhà đạo đức học vĩ đại nhất, kì tài nhất mà thế giới có được”⁽²⁾.

2. Viện Nghiên cứu Phật học. *Đạo đức học Phật giáo*, Tp. HCM, 1995, tr. 97.

3. Ảnh hưởng giáo lí Nghiệp với ý thức đạo đức của con người Việt Nam từ xưa đến nay

Tín ngưỡng nguyên thủy đã thỏa mãn phần nào nhu cầu của con người Việt Nam trong lịch sử. Với nguyên lí thờ Tổ Tiên thì được Tổ Tiên phù hộ; thờ Thổ Công thì được Thổ Công cho phúc; thờ Thành Hoàng thì được Thành Hoàng bảo vệ.v.v... tín ngưỡng đó đã gieo vào lòng người những niềm tin và hi vọng. Mặc dù trên thực tế, cái gọi là “được” ấy chỉ là sự ước mong, chỉ là sự hư ảo, nhưng vì không còn con đường nào khác nên người ta vẫn phải tin theo.

Xã hội ngày một tiến lên, những tín ngưỡng thô sơ đó không thỏa mãn được nhu cầu nhận thức và tâm lí của con người trong xã hội phát triển. Cùng với sự phát triển của xã hội, con người Việt Nam càng ngày càng muốn biết quan hệ nhân quả trong cuộc đời của mình, muốn có cái nhìn về mình phù hợp với sự vận động của con người trong hiện thực. Phật giáo là một hình thái triết học mang đậm tính nhân bản sâu sắc, đã đáp ứng được phần nào nhu cầu đó. Chính vì thế mà, đạo Phật đã thay thế được các tín ngưỡng cổ truyền, trở thành tôn giáo chung của nhiều địa phương và cuối cùng là của cả nước.

Với xứ sở có nền văn minh lúa nước con người tin rằng, các hiện tượng tự nhiên như mây mưa, sấm chớp, núi, sông, đất đai.v.v... đều là những vị thần có thể phù hộ cho con người hoặc có thể gây ra cho con người những tai họa. Họ cũng tin vào sức mạnh của những đấng thiêng liêng trên có thể khuyến thiện, trừ ác.

Cho nên người Việt Nam đã đón nhận giáo lí Nghiệp dễ dàng như nước thấm vào lòng đất, đưa nó vào gia tài tinh thần của mình.

Giáo lí Nghiệp đã đương nhiên trở thành nếp sống tín ngưỡng hết sức sáng tỏ đối với mọi người Việt Nam có hiểu biết, có suy nghĩ. Một người dù chưa trở thành tín đồ đạo Phật về mặt nghi lễ nhập đạo, nhưng học biết luật Nghiệp nhân quả báo thì đương nhiên là tín đồ Phật giáo. Người ta biết lựa chọn ăn hiền ở lành, dù tối thiểu, thì đó cũng là kết quả tự nhiên âm thầm của giáo lí Nghiệp báo, chẳng những thích hợp với thiện lương bản tâm đa số, mà còn ảnh hưởng rất lớn đối với tâm thức nhà trí thức. Không nhà trí thức, nho sĩ nào, kể cả ngày nay mà không biết qua ít nhiều Nghiệp báo nhân quả. Vì thế, giáo lí Nghiệp báo đã in dấu đậm nét trong văn học dân gian, trong văn chương bác học chữ Nôm, chữ Hán từ xưa cho đến giờ, để dẫn dắt từng thế hệ con người biết soi sáng tâm trí của mình vào giáo lí Nghiệp mà hành động sao cho tốt đẹp, đem lại hài hòa, bình yên, lương thiện cho mọi người trong cộng đồng dân tộc.

Trong kho tàng truyện kể cổ tích dân gian Việt Nam ta thấy, hầu như phần lớn nội dung các cốt truyện đều mang tính chất răn ác, khuyến thiện. Nội dung chủ đạo của các cốt truyện chỉ rõ cho con người thấy được quy luật tất yếu của cuộc sống là “ở hiền gặp lành” hay “gieo gió ắt gặt bão”. Hình thức và nội dung cốt truyện lại vô cùng hấp dẫn, dễ hiểu và phong phú. Do vậy, nó được mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi của nhiều thế hệ khác

nhau đón nhận một cách dễ dàng. Nhất là với độ tuổi ngây thơ, hồn nhiên, trong sáng của tuổi thơ thì các câu chuyện cổ tích nhân gian là món ăn tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống của các em. Những câu chuyện đời xưa đời nay ấy là những bài học đạo đức vô cùng hữu ích và thiết thực. Nó đã thấm nhuần và ăn sâu vào trong tâm hồn trẻ thơ của các em từ bao giờ, những hình ảnh ấy sẽ mãi mãi đồng hành cùng các em suốt cuộc đời. Giáo lí Nghiệp được cụ thể hóa qua những mẫu truyện như Tấm Cám, Thạch Sanh Lý Thông, Ăn khế trả vàng, Sự tích con muỗi, Cây tre trăm đốt, Chàng Sọ Dừa, Chú bé Tí hon, v.v...

Trong truyện Tấm Cám rõ ràng là một truyện cổ dân gian, mang một nội dung: “Khuyến thiện trừng ác”, phản ánh một nếp sống “Dĩ ghê con chồng” trong bối cảnh xã hội Việt Nam. Qua truyện Tấm Cám, chúng ta thấy có sự đồng nhất giữa thuyết “Nhân quả Nghiệp báo” của Phật giáo với niềm tin của người bình dân: 1. Ở đâu có đau khổ và bất công, ở đấy sẽ có ánh sáng từ bi và trí tuệ của đạo Phật đến cứu giúp. 2. Trồng nhân nào thì hưởng quả ấy. 3. Phật tính bình đẳng không phân biệt đối xử, không phân biệt nam nữ, sang hèn, cụ thể như Tấm đã lấy Hoàng tử làm chồng và chung sống yêu thương hạnh phúc.

Truyện Thạch Sanh cũng mang một hình thức truyện cổ, nhưng nội dung thì nói lên một nhân vật anh hùng đầy dũng cảm, đề cao chính nghĩa và diệt tận ác ma; quên mình vì người; làm phúc không kể công; công thành thân thoái. Sau cùng thuyết Nghiệp báo của đạo Phật thì công

tội vẫn phân minh, chính và tà vẫn phải rõ rệt. Qua truyện Thạch Sanh chúng ta thấy, thuyết Nghiệp báo nhân quả của đạo Phật được coi như một mực thước cho sự sống. Thạch Sanh đề cao chính nghĩa nên tuy xuất thân từ một người tiêu phu đón củi lại được lấy công chúa, được phong quốc trạng và đặc biệt được truyền ngôi vua. Còn mẹ con Lý Thông hai lần lừa gạt và cũng hai lần định cướp công Thạch Sanh. Bên cạnh đó, một lần bít cửa hang định giết Thạch Sanh, và một lần bỏ tù Thạch Sanh. Hậu quả là, Lý Thông bị nhà Vua cách chức; và khi về quê nhà, cả hai mẹ con Lý Thông đều bị sét đánh chết, rồi biến thành bọt hung ở chỗ nhơ bẩn.

Điểm qua một số nhân vật chính trong những truyện kể trên, dễ dàng nhận ra điểm chung trong bố cục nội dung của những cốt truyện là, người nào làm lành, làm thiện, tức gieo trồng nhân tốt thì sẽ được kết quả tốt lành. Ngược lại, người nào gây tạo những nhân xấu, trái với luân thường đạo lí, kiêu căng của dân tộc thì sẽ gặp phải những kết cục khổ đau.

Ca dao, tục ngữ chính là sự đúc kết những kinh nghiệm thiết thực trong cuộc sống. Nó chuyển tải một cách trung thực mọi sự vật, hiện tượng trong xã hội từ thế hệ này sang thế hệ khác. Để nói nên tính Nghiệp nhân quả báo, trực tiếp hiện tiền trong văn học dân gian, có rất nhiều ca dao tục ngữ nói lên điều đó.

“Ở hiền rồi lại gặp lành

Ai mà gian ác tan tành ra tro”

Hay: “Nhân nào quả ấy”.

Những câu nói tuy ngắn gọn nhưng ý nghĩa và nội dung mang tính giáo dục

rất cao. Nói “Nhân nào quả ấy” hàm chứa một lời răn đe khuyên dạy con người sống ở đời phải biết lấy cái thiện làm chất liệu để xây dựng và hoàn thiện cho mình một đời sống hướng thiện, có đạo đức.

Ca dao, tục ngữ Việt Nam còn chuyên chở những nội dung triết lí sâu sắc trong cuộc sống. Có Nghiệp báo nên có luân hồi, Nghiệp báo, luân hồi là một quy luật tất yếu trong nhân sinh và vũ trụ. Cho nên, sức thu hút của ca dao, tục ngữ dân gian chính bởi sự kết tinh từ những sự kiện có thật trong cuộc sống. Từ đó, nó tác động đến tâm lí, suy nghĩ của con người. Nghiệp báo, luân hồi còn là bài học giáo dục có giá trị sâu sắc cho đời, không chỉ trong một thế hệ mà trải qua nhiều thế hệ tiếp nối. Nói theo ngôn từ của đạo Phật thì, đó là quá trình tiếp nối của kiếp trước và kiếp sau trong ba khoảng chu kì của thời gian: quá khứ, hiện tại, vị lai. Ngôn từ ấy được đúc kết qua ca dao tục ngữ.

“Người trồng cây cảnh người chơi

Ta trồng cây đức để đời về sau”

Hơn thế nữa, theo quan niệm xưa nay, tổ tiên ta rất tôn trọng những người quá cố. Trên quan niệm ấy mà giáo lí Nghiệp báo luân hồi của đạo Phật lại càng dễ dàng được mọi người tin nhận. Người Việt Nam tin rằng, sau khi chết khi thân này tan rã, nhưng phần hồn anh linh của người ấy vẫn còn đó. Qua những ngày giỗ kị hoặc tế lễ trong mỗi gia đình người Việt Nam, nhất là trên những vùng đất thôn quê làng xã, chúng ta mới thấy rõ niềm tin của người dân Việt Nam đối với những người quá cố như thế nào. Nó chứa đựng một ý nghĩa hết sức thiêng

liêng trong đời sống sinh hoạt tâm linh của xã hội. Do lòng kính ngưỡng, tôn trọng và tin tưởng rằng, chết không phải là hết, người Việt Nam đã hòa đồng và tiếp nhận giáo lí Nghiệp của Phật giáo như một lẽ tất yếu. Họ đặt niềm tin và hi vọng về một kiếp sống tràn đầy hạnh phúc ở kiếp sau. Họ đã ý thức được rằng kiếp này gieo trồng Nghiệp lành thì kiếp sau ắt sẽ được an vui, hạnh phúc. Ngược lại, nếu kiếp này gây tạo những Nghiệp nhân ác thì đời sau sẽ lãnh thụ những Nghiệp quả khổ đau và bất hạnh. ý thức được điều đó, người bình dân Việt Nam đã không quên khuyên răn, nhắc nhở mọi người hướng thiện, thông qua hình thức truyền khẩu bằng những câu ca dao, tục ngữ:

“ Những người đức hạnh hiền hòa,

Đi đâu cũng được người ta tôn sùng.

Những người hiếu đễ trung trinh,

Vẻ vang tiên tổ thơm danh họ hàng.

Những người truyền đạo khai nhân,

Nghìn thu để tiếng muôn phần thơm lây”.

Một triết lí nhân sinh thật hay và tế nhị, nó đã phản ánh cuộc sống một cách chân thật. Càng đi sâu vào tìm hiểu kho tàng ca dao, tục ngữ dân gian Việt Nam, chúng ta càng bắt gặp và khám phá thêm biết bao điều mới lạ. Với những câu nói tuy bình dị, đời thường nhưng nội dung bên trong lại chứa đựng những triết lí, những bài học giáo dục làm người thật sâu sắc dưới ảnh hưởng của giáo lí Nghiệp. Chỉ chừng đó thôi, đã cho ta thấy rằng, giáo lí của đạo Phật đã thật sự ăn sâu và thấm nhuần vào tận gốc rễ đời sống

sinh hoạt của xã hội thông qua những câu ca dao, tục ngữ dân gian Việt Nam.

Không chỉ dừng lại ở đó, giáo lí Nghiệp của đạo Phật còn được phản ánh sâu sắc trong các thể loại văn chương bác học viết bằng chữ Hán-Nôm dưới những ngòi bút sáng tác điêu luyện. Các nhà văn, nhà thơ đã khéo léo trau chuốt nên những tác phẩm thơ ca bất hủ. Nét đặc biệt ở đây không phải là cao siêu, màu nhiệm mà những câu cú trong những tác phẩm văn thơ được viết bằng chữ Hán-Nôm, một thứ chữ thuần túy Việt. Tuy ở thể loại văn Nôm nhưng được sắp xếp trình bày ở góc độ nghệ thuật rất cao, bằng những vần điệu lục bát tràng thiên nhịp nhàng trầm bổng. Những khi đồng áng rảnh rang hoặc trong những lễ hội dân gian truyền thống, người bình dân Việt Nam thường lấy đó để ngâm nga, đối đáp như một thú vui chơi tiêu khiển không thể thiếu trong đời sống tinh thần người Việt.

Văn thơ Hán-Nôm đã phản ánh và chịu sự tác động, ảnh hưởng từ giáo lí Nghiệp của đạo Phật thông qua những tác phẩm có giá trị như: tác phẩm Quan Âm Diệu Thiện, Quan Âm Thị Kính, Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu và đặc biệt tác phẩm truyện Kiều của Nguyễn Du, v.v...

Dẫu chưa hẳn xuất thân trong môi trường Phật giáo, nhưng ý tứ trong văn thơ của các tác giả đã thấm nhuần và mang đậm tư tưởng triết lí của Phật giáo. Trong đó giáo lí Nghiệp đã chiếm lĩnh một vị trí rất lớn. Chúng ta cũng biết truyện Kiều của Nguyễn Du đã sớm trở thành tác phẩm gối đầu của người

dân Việt Nam. Tính triết lí Nghiệp nhân quả báo đã được Nguyễn Du thể hiện trong thơ của mình. Một triết lí đề cao trách nhiệm của mỗi người về mọi hành động của mình ngay trong đời sống hiện tại và tương lai qua câu kết của tác phẩm bất hủ này:

“Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn trời gần hay xa.

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”

Giáo lí Nghiệp của đạo Phật không chỉ được phản ánh qua tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du mà gần đây nhất vào khoảng thế kỉ XVIII thời vua Lê, chúa Trịnh, quan niệm về Nghiệp được thể hiện qua sự ra đời của tác phẩm “Nam Hải Quan Âm sự tích ca”, một tác phẩm được diễn nôm theo thể lục bát giới thiệu về sự tích Phật Bà Chùa Hương. Tác phẩm đã phản ánh tâm tư, nguyện vọng của dân tộc Việt Nam dưới ảnh hưởng của giáo lí Nghiệp. Nhân vật vua Trang Vương với bản tính san tham, sân hận, đã sai người đốt chùa, giết hại những người vô tội. Do những hành động bạo ngược ấy nên trong kiếp hiện tại, vua Trang Vương gặp phải quả báo mắc bệnh hiểm nghèo:

“Phán rằng: Số thọ còn chầy

Giáng cho bệnh nặng thuốc gì chẳng yên”.

Giáo lí Nghiệp của đạo Phật rất phù hợp với nếp sống, với quan niệm nhân sinh và vũ trụ xưa nay của dân tộc. Trong quảng đại quần chúng thì dấu ấn của giáo lí Nghiệp được thể hiện rõ nét qua những bài học giáo dục đạo đức làm

người, đó là phải “Ăn hiền ở lành”. Bài học giá trị đạo đức ấy đã được phản ánh tích cực trong đời sống sinh hoạt từ gia đình cho đến xã hội. Đúc kết từ những kinh nghiệm sống hiện thực, ông cha ta đã nhắn gửi cho thế hệ con cháu những bài học luân lí đạo đức mang tính giáo dục rất lớn.

Ngày nay, trong thời kì hội nhập, xã hội phát triển đến mức độ tột cùng, mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ đều được giải thích dưới lăng kính khoa học. Cuộc sống con người đang bị cuốn hút bởi những dòng thác vật chất, bởi sự bùng nổ của những khám phá và phát minh trong nhiều ngành khoa học hiện đại. Trong xã hội lúc này xuất hiện những quan niệm cho rằng, con người có thể cải tạo thiên nhiên và buộc thiên nhiên quay lại phục vụ cho những nhu cầu con người. Trước những quan điểm ấy, liệu giáo lí Nghiệp trong đạo Phật còn ảnh hưởng và mang giá trị cần thiết cho con người và xã hội ngày nay không?

Thực tế cho thấy, do tác động quá mức của con người vào môi trường thiên nhiên, nên cũng chính con người đang phải gánh chịu biết bao thảm họa. Nạn khai thác rừng bừa bãi, đốt phá cỏ cây, săn bắn động vật quá mức, v.v... chính là nguyên nhân đưa đến các thảm họa thiên tai như động đất, nhiệt độ trái đất ngày một gia tăng, hạn hán, lũ lụt, sóng thần, v.v... Và một hiện trạng đang báo động của xã hội ngày nay là con người đang phải đối mặt với chiến tranh, bệnh tật phát sinh từ những hành động ghê sợ của con người như chế tác vũ khí hạt nhân, bom nguyên tử, và biết bao độc tố có thể giết chết con người

trong phút chốc. Sự bùng phát của những tình trạng trên là do con người chưa nhận thức được vai trò, ý nghĩa quan trọng từ việc thực hành và hiểu rõ tính chất Nhân quả Nghiệp báo. Đạo Phật đã khẳng định, con người là trung tâm của vũ trụ và do vậy, những gì con người tạo tác thì cũng chính con người phải gánh chịu kết quả từ những hành động ấy, vì “Con người là chủ nhân của Nghiệp, là kẻ thừa tự Nghiệp”.

Ngoài những hiện trạng trên, vấn đề luân lí đạo đức trong xã hội cũng đang là thực trạng mà mỗi chúng ta cần nhìn nhận. Đạo đức con người hiện nay bị tha hóa trước những lợi danh, vật chất. Trong một số gia đình truyền thống, gia phong, lễ giáo xưa nay là niềm tự hào của dân tộc nay đang dần bị đảo lộn. Thật đau lòng biết bao khi hằng ngày chúng ta phải chứng kiến những cảnh nghịch ý trái lòng, xem thường đạo đức như học sinh đánh thầy giáo, con giết cha mẹ, v.v... rồi những tệ nạn xã hội như mại dâm, ma túy, trộm cắp đang là ung nhọt đau nhức, nó làm băng hoại giá trị đạo đức con người và xã hội. Tất cả những hiện tượng trên là dấu hiệu cho thấy sự suy thoái của giá trị luân lí, đạo đức con người. Hệ quả ấy do đâu? Phải chăng do một bàn tay nào đó đang chi phối và làm thay đổi trật tự xã hội. Không nói ra có lẽ ai cũng biết hệ quả ấy không ai khác chính tự thân con người tạo tác. Qua đó ta sẽ thấy rõ hơn quy luật của xã hội dưới sự tác động của tiến trình Nhân quả Nghiệp báo.

Trên phương diện vật chất, chúng ta không phủ nhận những thành tựu khoa học đạt được đã mang lại cho con người

một đời sống đầy đủ và tiện ích hơn. Nhưng trên phương diện luân lý đạo đức của xã hội, giáo lý Nghiệp vẫn mãi mãi là một quy tắc, chuẩn mực mà con người không thể trốn chạy hay bỏ qua. Dù con người thành công đến đâu chăng nữa thì vẫn không sao tránh khỏi những tác động âm thầm từ tính chất Nghiệp báo. Bởi lẽ, chúng ta đều hiểu rằng, Nghiệp nhân quả báo không phải là một sản phẩm do đạo Phật tạo ra, mà nó là một quy luật tất yếu trong vũ trụ. Đức Phật chỉ là người khám phá và chỉ ra cho con người nhận biết, cũng như bản chất thực tính của mỗi con người ai cũng có, nhưng do vô minh, vọng tưởng mà con người không nhận ra điều đó. Cũng như mục đích của Đức Phật ra đời không phải là sáng tạo thêm cho mỗi con người một Phật tính mới, mà nhằm một mục đích duy nhất là chỉ ra cho chúng sinh nhận biết được Phật tính sẵn có trong mỗi con người.

Qua đây chúng ta thấy, giáo lý Nghiệp của đạo Phật không phải chỉ được nói đến trong những học thuyết lý luận mang tính kinh điển mà nó đã được phổ cập rộng rãi trong đời sống nhân dân. Giáo lý Nghiệp còn mang đậm dấu ấn trong đời sống sinh hoạt, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam ngay từ những ngày đầu dựng nước. Ảnh hưởng ấy không còn đơn thuần là một khái niệm, một định lý tất yếu mà nó còn có một sức sống mẫu nhiệm trong lòng dân tộc. Tính nhân văn ấy còn khẳng định vị trí quan trọng của con người, loại bỏ những quan niệm tiêu cực đang tồn tại trong xã hội. Trên phương diện luân lý đạo

đức, giáo lý Nghiệp chính là nền tảng xây dựng những đặc tính quý báu mang đậm truyền thống đạo đức dân tộc Việt Nam. “Các giá trị đạo đức của Phật giáo đã có ảnh hưởng không ít tới môi trường sống của thành phố Hồ Chí Minh, bởi vì đạo Phật là tiếng nói của một con người gửi tới những con người khác, để cùng giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Vì thế, đạo Phật mang tính xã hội và đạo đức rất cao. Phật giáo không chỉ dừng lại ở công việc chia sẻ những khó khăn của xã hội như hòa bình, thịnh vượng, công bằng, mà còn hướng mọi người lấy điều thiện làm chuẩn mực sống, làm phương tiện và mục đích để đạt tới hạnh phúc cho con người. Với quan niệm Nghiệp nhân quả báo, “Gieo nhân nào thì gặt quả ấy”, kiếp trước làm điều ác thì kiếp sau gặp báo ứng (ác giả ác báo), các Tăng Ni Phật tử đã không ngừng “gieo nhân lành để gặt quả tốt” bằng những việc làm hữu ích, góp phần vào sự ổn định, phát triển của thành phố”⁽³⁾.

Nội dung sâu xa bên trong của giáo lý Nghiệp chính là những bài học mang tính giáo dục đạo đức đối với xã hội, cũng như mang lại cho nền văn hóa dân tộc một bản sắc thuần túy Việt Nam, đó còn là những bài học giáo dục đạo đức làm người. Với nền văn hóa Phương Đông, đạo đức con người được xem là một chuẩn mực tất yếu không thể thiếu trong đời sống thường nhật./.

3. Thân Ngọc Anh. *Tạp chí Khoa học xã hội*, ngày 15/3/2007.